TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Bằng

2. Bà Lê Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BáThước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 161/2018/TLST- HNGĐ ngày 19/12/2018 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXX-ST ngày 11/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Hồng N; Sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ Q, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Vi Thị N; Sinh năm 1989(là người mất tích).

Quê quán, nhân khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn T S, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa Là người mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2018/QĐDS-ST ngày 23/11/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Bùi Hồng N và chị Vi Thị N tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện B T tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/10/2009. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống được 2 năm thì mâu thuẫn do không hợp nhau. Sinh được 01 con chung là cháu Bùi Thị Y sinh ngày

11/12/2009. Từ năm 2011 vợ chồng hay cãi nhau do không hợp nhau. Đến tháng 01 năm 2016 chị Vi Thị N mang theo cả cháu Bùi Thị Y sinh ngày 11/12/2009 bỏ đi không để lại thông tin, địa chỉ cho anh N.

Anh Bùi Hồng N đã tìm kiếm tin tức của chị Vi Thị N qua người thân và bạn bè đều không có kết quả.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2018/QĐDS-ST ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân huyện B T đã tuyên bố chị Vi Thị Nlà người mất tích.

Nay anh N làm đơn khởi kiện có nguyện vọng xin ly hôn với chị Vi Thị N (là người mất tích).

Về con chung : Chị Vi Thị N đã mang theo con chung đi đâu làm gì không ai biết tin tức anh Bùi Hồng N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Anh Bùi Hồng N trình bày không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh N có đơn xin xử vắng mặt gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc anh Bùi Hồng N sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử có đơn xin xử vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

- Anh Bùi Hồng N và chị Vi Thị N tự do tìm hiểu tự nguyện lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Q, huyện B T, tỉnhThanh Hóa ngày 26/10/2009 nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Chị Vi Thị N đã tự bỏ nhà đi từ ngày 02 tháng 01 năm 2016 đến nay. Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2018/QĐDS-ST ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân huyện B T đã tuyên bố chị Vi Thị N là người mất tích, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy hôn nhân giữa anh N và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa. Việc anh N khởi kiện xin ly hôn với chị Vi Thị N (là người mất tích) là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Hồng N, xử cho anh Bùi Hồng N được ly hôn chị Vi Thị N

Về con chung: Chị Vi Thị N đã mang theo con chung đi đâu làm gì không ai biết tin tức anh Bùi Hồng N không yêu cầu giải quyết. HĐXX không có căn cứ xem xét.

Về tài sản: Anh Bùi Hồng N trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, chị Vi Thị N là người mất tích nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Bùi Hồng N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Xử cho anh Bùi Hồng N được ly hôn chị Vi Thị N .

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Bùi Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0004991 ngày 19 tháng 12 năm 2018 (anh Bùi Hồng N đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt anh Bùi Hồng N, vắng mặt chị Vi Thị N. Anh Bùi Hồng N có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã Đ Q, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa. Chị Vi Thị N có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết án sơ thẩm tại UBND xã ĐT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa nơi cư trú cuối cùng của chị Vi Thị N.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
-UBND xã Điền Thượng
-UBND xã Điền Quang
…..
- Lưu.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

H□XX S□ THỘM

C□C H□I THỘM NHÂN DÂN THỘM PH□N - CH□ T□A PHI□N TĐA

Cao Xuân Băng **Lê Thị Hiền** **Trần Thị Quyên**